

2.1. Tăng cường cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy - học tập;

2.2. Bổ sung kinh phí cho các hoạt động sự nghiệp giáo dục đào tạo kể cả hỗ trợ cho việc tổ chức thi tốt nghiệp;

2.3. Hỗ trợ cho hoạt động trực tiếp giảng dạy, phục vụ giảng dạy;

2.4. Hỗ trợ công tác quản lý và điều tiết chung thuộc ngành giáo dục - đào tạo ở địa phương.

3. Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Giám đốc đại học, Hiệu trưởng và Thủ trưởng các trường, các cơ sở đào tạo thuộc các cơ quan Trung ương quy định tỷ lệ sử dụng học phí để chi cho các nội dung nêu tại Khoản 2 Điều này. Trong đó, tỷ lệ học phí dành để tăng cường cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy - học tập (Khoản 2.1) không dưới 35% đối với khối giáo dục, không dưới 45% đối với khối đào tạo và tỷ lệ học phí dành cho hỗ trợ công tác quản lý và điều tiết chung (nếu có) thuộc ngành giáo dục - đào tạo ở địa phương (Khoản 2.4) không quá 20%.

4. Cơ sở giáo dục - đào tạo phải lập dự toán phù hợp với quy định ở Khoản 2, Khoản 3 Điều này và được cấp quản lý giáo dục - đào tạo có thẩm quyền duyệt. Kho bạc Nhà nước căn cứ vào dự toán đã được duyệt để cấp lại tiền cho các cơ sở giáo dục - đào tạo.

Điều 5.- Các khoản được thu khác :

1. Các cơ sở giáo dục - đào tạo được thu lệ phí tuyển sinh theo quy định của Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (đối với các trường do địa phương quản lý) hoặc của Bộ Giáo dục và Đào tạo (đối với các trường do cơ quan Trung ương quản lý).

2. Các cơ sở giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông được thu tiền tham gia xây dựng trường theo Quyết định số 248-TTg ngày 22-11-1973 của Thủ tướng Chính phủ với mức thu do Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định.

Điều 6.- Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 8 năm 1998. Trước ngày này, việc tổ chức thu, quản lý, sử dụng học phí và thu lệ phí thi tốt nghiệp được thực hiện theo Quyết định số 241-TTg ngày 27-5-1993. Bãi bỏ những quy định trước đây trái với Quyết định này.

Điều 7.-

- Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Quyết định này.

- Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Thủ tướng Chính phủ

PHAN VĂN KHÁI

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 71/1998/QĐ-TTg ngày 31-3-1998 về việc thành lập Trường Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ngành Xây dựng.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Nghị định số 15-CP ngày 2-3-1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng (Công văn số 164/BXD-TCLĐ ngày 12-3-1998) và Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ (Công văn số 55/TCCP-TC ngày 14-2-1998),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Thành lập Trường Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ngành Xây dựng trên cơ sở của Trung tâm Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ngành Xây dựng.

Trường Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ngành Xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng; có tư cách pháp nhân; có con dấu, tài khoản riêng; trụ sở đặt tại Hà Nội.

Điều 2.- Trường Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ngành Xây dựng có nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ của ngành Xây dựng.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường.

Điều 3.- Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký. Những quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 4.- Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

PHẠM GIA KHIÊM

**CHỈ THỊ của Thủ tướng Chính phủ
số 16/1998/CT-TTg ngày 31-3-1998
về giải quyết những kiến nghị
của các doanh nghiệp.**

Trong tháng 1, 2, 3 năm 1998, Thủ tướng Chính phủ cùng Phó Thủ tướng Ngô Xuân Lộc và lãnh đạo một số ngành đã gặp đại diện các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế ở cả ba miền trong nước tại thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng. Các cuộc gặp mặt, đối thoại này đã tạo chuyển biến bước đầu trong sự hợp tác giữa các cơ quan nhà nước và các doanh nghiệp nhằm tháo gỡ những khó

khăn, vướng mắc trong sản xuất kinh doanh. Nhiều kiến nghị hợp lý của các doanh nghiệp nêu trong ba cuộc gặp đã được các Bộ, ngành tiếp thu, giải quyết.

Để tiếp tục phát huy kết quả các cuộc gặp nói trên, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong nước phát huy nội lực, phát triển sản xuất kinh doanh có hiệu quả và từng bước hội nhập vào khu vực và quốc tế, Thủ tướng Chính phủ chỉ thị các ngành, các cấp khẩn trương tiến hành những việc sau đây :

1. Những việc cần giải quyết ngay.

1.1. Trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn đã được phân cấp, các Bộ, Tổng cục thuộc các ngành Tài chính, Hải quan, Ngân hàng, Kế hoạch, Thương mại, Nội vụ (cảnh sát kinh tế), Thanh tra, Giao thông... tiếp tục xử lý kịp thời những kiến nghị và khiếu nại của doanh nghiệp về các vụ, việc cụ thể, kể cả những kiến nghị chuyển trực tiếp bằng văn bản đến cơ quan do không có đủ thời gian trình bày tại cuộc gặp và những kiến nghị của doanh nghiệp gửi đến cơ quan sau này. Thủ trưởng các cơ quan nói trên cần trả lời ngay trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được kiến nghị hoặc khiếu nại của doanh nghiệp và báo cáo kết quả lên Thủ tướng Chính phủ.

Những vấn đề vượt quá thẩm quyền của cơ quan mình thì phải kiến nghị lên Thủ tướng Chính phủ. Đối với những vấn đề xét thấy không thể giải quyết được thì phải giải thích theo tinh thần bình đẳng, giúp cho doanh nghiệp nhận thức đầy đủ và chấp hành đúng các quy định của luật pháp; xóa bỏ cách làm việc đơn phương áp đặt, của quyền đối với doanh nghiệp. Lãnh đạo các cơ quan chức năng cần thường xuyên kiểm tra chặt chẽ cấp cơ sở và các cán bộ trực tiếp giải quyết những đề nghị của doanh nghiệp.

1.2. Các cơ quan quản lý nhà nước thể chế hóa ngay thủ tục tiếp nhận và trả lời các kiến nghị của doanh nghiệp và công bố trên phương tiện thông tin đại chúng cho các doanh nghiệp biết (tên và số điện thoại của người giải quyết kiến nghị, địa điểm tiếp nhận giấy tờ kiến nghị, khiếu nại, thời gian trả lời các kiến nghị, khiếu nại...).